TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 670/2023/HC-PT
Ngày 09 - 8 - 2023
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 270/2023/TLPT-HC ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 2090/2022/HC-ST ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1921/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Lê Hữu T và bà Bá Thị Kim D

Địa chỉ: 10A, đường L, phường L1, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Hồng H, sinh năm 1987; địa chỉ: đường Th1, Phường 27, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, (Giấy ủy quyền công chứng số 010088 ngày 22/5/2021 tại Văn phòng công chứng Đ). (có mặt)

- *Người bị kiện:*

1/. Ủy ban nhân dân thành phố Th

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Th

Cùng địa chỉ: đường Tr, phường Th2, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Hoàng T, chức vụ: Chủ tịch. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Hồ Văn Ph, chức vụ: Phó Trưởng ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố Th. (vắng mặt)

+ Ông Ngô Văn V, chức vụ: Phó Trưởng phòng tiếp Công dân, tuyên truyền, vận động và giải quyết khiếu nại, tố cáo Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng thành phố Th. (có mặt)

- *Người kháng cáo*: Ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D, Ủy ban nhân dân thành phố Th, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D trình bày:

Phần nhà, đất 51,2m^2 trên phần diện tích 288m^2 thuộc một phần các thửa đất số 16, 17, 18, tờ bản đồ số 13 và một phần thửa đất số 69, tờ bản đồ số 14, bộ bản đồ địa chính phường L1, quận Th (theo tài liệu bản đồ địa chính năm 2004), chưa được cấp giấy chứng nhận, có nguồn gốc do bà Dương Thị B sử dụng từ trước năm 1975; đến năm 1997, bà Dương Thị B cùng con là ông Nguyễn Văn M chuyển nhượng cho bà Bá Thị Kim D phần diện tích đất tổng cộng là 288m^2, trên đất có nhà xây dựng không xin giấy phép xây dựng vào tháng 01/2003 và sử dụng ổn định từ đó đến nay.

Cùng ngày 29/5/2020, Ủy ban nhân dân quận Th ban hành Quyết định số 3239/QĐ-UBND *(viết tắt là Quyết định 3239)* thu hồi 51,2m^2 nêu trên, Quyết định số 3240/QĐ-UBND *(viết tắt là Quyết định 3240)* phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 25/PA-HĐBT, Quyết định số 3241/QĐ-UBND *(viết tắt là Quyết định 3241)* chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D như sau: số tiền bồi thường, hỗ trợ 10.298.000 đồng, tiền thưởng 3.750.000 đồng, tổng cộng 14.048.000 đồng. Theo Phương án số 25/PA-HĐBT ngày 29/5/2020 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án có nêu 51,2m^2 bị thu hồi được hỗ trợ theo loại đất nông nghiệp với đơn giá hỗ trợ là 190.000 đồng/m^2.

Không đồng ý với việc bồi thường, hỗ trợ nêu trên của Ủy ban nhân dân quận Th, ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D có đơn khiếu nại đề nghị áp giá bồi thường, hỗ trợ 51,2m^2 với đơn giá 50.000.000 đồng/m^2.

Ngày 11/9/2020, Ủy ban nhân dân quận Th ban hành Quyết định số 5499/QĐ-UBND *(viết tắt là Quyết định 5499)* về giải quyết khiếu nại, giữ nguyên Quyết định số 3241 và không công nhận khiếu nại của ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D.

Ngày 17/6/2021, ông Lê Hữu T và bà Bá Thị Kim D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Hủy Quyết định số 3241 và Quyết định số

5499; Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Th bồi thường, hỗ trợ phần diện tích đất 51,2m^2 theo loại đất ở và thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định pháp luật, bởi các lý do sau:

Theo khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013, nếu phần đất 51,2m^2 bị Nhà nước thu hồi đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì đủ điều kiện bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất. Tháng 01/2003, ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D xây dựng nhà cấp 4 bao gồm phần đất 51,2m^2 bị thu hồi. Theo khoản 1 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về việc xử lý, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014 để xác định là lấn, chiếm đường thì cần đáp ứng điều kiện: *"Trường hợp sử dụng đất... hoặc lấn, chiếm lòng đường, lề đường, vỉa hè sau khi Nhà nước đã công bố chỉ giới xây dựng hoặc... "*. Do vậy, trước ngày 01/7/2014, trong trường hợp Nhà nước chưa công bố chỉ giới xây dựng tại thời điểm người dân xây dựng nhà thì không có căn cứ để xác định hành vi lấn, chiếm lòng đường, lề đường, vỉa hè theo quy định nêu trên, nên việc sử dụng đất của người dân không thuộc trường hợp lấn, chiếm lòng đường, lề đường, vỉa hè theo khoản 1 Điều 22 Nghị định số 43/2014.

Tại Điều 5 Quyết định số 6982/QĐ-UB-QLĐT ngày 30/9/1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt lộ giới (chỉ giới đường đỏ) các tuyến đường Thành phố Hồ Chí Minh đã quy định việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải *"đặt biển báo lộ giới từng tuyến đường cho nhân dân biết để thực hiện" ("Điều 5 - Giao Giám đốc Sở Giao thông công chánh phân cấp cho quận, huyện và hướng dẫn đặt biển báo lộ giới từng tuyến đường cho nhân dân biết để thực hiện và giúp chính quyền địa phương xử lý kịp thời hành vi chiếm dụng đất đai hoặc xây dựng bất hợp pháp trong phạm vi lộ giới.").* Tại thời điểm ông T và bà D xây dựng nhà tháng 01/2003 thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa công bố cụ thể chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ của đường L (V), cụ thể là chưa đặt biển báo lộ giới đường L (V) cho nhân dân biết để thực hiện, nên việc sử dụng 51,2m^2 của ông T, bà D không thuộc trường hợp lấn, chiếm lộ giới của đường L (V) theo nhận định của Ủy ban nhân dân quận Th tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 5499 là không có căn cứ.

Như vậy, phần đất 51,2m^2 được sử dụng ổn định theo loại đất ở từ tháng 01/2003 cho đến khi Nhà nước thu hồi đất làm dự án nâng cấp đường L, không vi phạm pháp luật về đất đai, không có tranh chấp, tại thời điểm sử dụng làm đất ở không thuộc trường hợp lấn, chiếm đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 43/2014, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo loại đất ở theo Điều 20 Nghị định số 43/2014 trong trường hợp Nhà nước không thu hồi đất làm dự án. Việc Ủy ban nhân dân quận Th (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Th) bồi thường phần đất này theo loại đất nông nghiệp là chưa phù hợp quy định pháp luật và chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án này được duyệt.

Ngoài ra, theo Khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 thì ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D còn phải được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện người khởi kiện cung cấp bổ sung Thông báosố 32353 ngày 07/11/2022 của Chi cục thuế quận Th và Công văn 26752 ngày 31/10/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh thành phố Th. Phần đất của ông T, bà D bị thu hồi là loại đất vườn, ao trong cùng một thửa đất ở số 16 theo bản vẽ hiện trạng ngày 12/7/2017 và tài liệu bản đồ 2004 có ghi T là đất ở, nên đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận theo Khoản 1, Khoản 5 Điều 103 Luật đất đai năm 2013 và Khoản 2 Điều 20 Nghị định 43/2014. Phần nhà trong ranh giải tỏa của ông T, bà D xây trước ngày 01/7/2004 thể hiện tại Phương án bồi thường số 25 ngày 29/5/2020 và biên bản xác định ranh giới mốc, và thông báo thu hồi đất có ghi là đất ở.

Tại Văn bản số 2592/UBND-BBT ngày 05/5/2022 của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Th ý kiến về yêu cầu khởi kiện như sau:

Trong phạm vi giải tỏa để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nâng cấp đường L (V) tại phường L1 theo Quyết định số 5812/QĐ-SGTVT ngày 29/10/2016 của Sờ Giao thông vận tải Thành phố về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp đường L (V), quận Th (nay là thành phố Th) và Công văn số 4319/UBND-ĐT ngày 11/7/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp đường L (V) tại phường L1, ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D có phần đất, vật kiến trúc, tài sản khác và cây trồng nằm trong ranh giải tỏa.

Ngày 07/12/2017, Ủy ban nhân dân quận Th (nay là thành phố Th) ban hành Thông báosố 1117/TB-UBND về thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp đường L (V), quận Th đối với ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D, với nội dung: *"...Địa chỉ thường trú khu phố 1, phường L1, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh; diện tích dự kiến thu hồi 51,2m^2; thuộc một phần các thửa đất số 16, 17, 18, 69, tờ bản đồ số 13, 14 (Tài liệu bản đồ địa chính năm 2004), phường L1, quận Th; loại đất đang sử dụng (xác định theo hiện trạng): Đất phi nông nghiệp (Diện tích, vị trí khu đất và loại đất sử dụng được xác định chính xác sau khi đo đạc thực tế và có xác nhận pháp lý của Ủy ban nhân dân phường L1, quận Th); ...".*

Ngày 19/12/2017, với sự chứng kiến của bà Bá Thị Kim D, tổ công tác gồm đại diện Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng, Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình và Ủy ban nhân dân phường L1 đã tiến hành kiểm đếm đất và tài sản trên đất thuộc phạm vi thu hồi đất để thực hiện dự án.

Ngày 28/6/2019, Ủy ban nhân dân phường L1 lập Giấy xác nhận số 19/GXN-UBND về nguồn gốc, quá trình sử dụng nhà, đất; thời điểm tạo lập nhà, công trình bị giải tỏa của ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D.

Ngày 29/5/2020, Ủy ban nhân dân quận Th ban hành Quyết định số 3239/QĐ-UBND về thu hồi đất 51,2m^2 của ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D, thuộc một phần các thửa đất số 16,17, 18, tờ bản đồ số 13 và một phần thửa đất số 69, tờ bản đồ số 14, Bộ địa chính phường L1, quận Th (Tài liệu bản đồ địa chính năm 2004). Vị trí ranh giới khu đất được xác định theo Bản đồ hiện trạng số 08/2017/HĐ-GPMB(LT-13) do Trung tâm dịch vụ Tài nguyên và Môi trường biển lập ngày 13/7/2017. Ngày 29/5/2020, Hội đồng Bồi thường của dự án lập Phương án số 25/PA-HĐBT về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D.

Cùng ngày 29/5/2020, Ủy ban nhân dân quận Th ban hành Quyết định số 3241/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D, với tổng trị giá 14.048.000 đồng.

Các căn cứ làm cơ sở hỗ trợ phần đất diện tích 51,2m^2 thuộc một phần các thửa đất số 16,17, 18, tờ bản đồ số 13 và một phần thửa đất số 69, tờ bản đồ số 14, Bộ địa chính, phường L1 (Tài liệu bản đồ địa chính năm 2004):

Căn cứ Giấy xác nhận số 19/GXN-UBND ngày 28/6/2019 của Ủy ban nhân dân phường L1 về xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng nhà, đất; thời điểm tạo lập nhà, công trình bị giải tỏa của ông T, bà D:

- *Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Phần đất diện tích 51,2m^2 (thuộc thửa 16-1; 17-1; 18-1; 69-1) có nguồn gốc trước năm 1975: Đất của Nhà máy dệt V đứng bộ. Tuy nhiên Công ty V chưa sử dụng, nông dân địa phương tự vào sử dụng trồng hoa màu. Năm 1971, hộ bà Dương Thị B nhận sang nhượng lại sử dụng trồng rau muống (không rõ người sang nhượng). Sau năm 1975, bà B tiếp tục sử dụng. Đến năm 1997, bà B cùng con là ông Nguyễn Văn M chuyển nhượng cho bà Bá Thị Kim D sử dụng đến nay (chưa được cấp GCN).*

- *Thông tin quy hoạch: Theo Quyết định số 6982/QĐ/UB-QLĐT ngày 30 tháng 9 năm 1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt lộ giới tuyến đường L (20m).*

Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP: Trong điều kiện bình thường, ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận thì phần đất 51,2m^2 thuộc một phần các thửa đất số 16,17, 18, tờ bản đồ số 13 và một phần thửa đất số 69, tờ bản đồ số 14, Bộ địa chính phường L1 (Tài liệu bản đồ địa chính năm 2004), cũng không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận, với lý do: đất do Nhà máy dệt V (nay là Công ty dệt V) đứng bộ, đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ và kê khai theo Chỉ thị 245/TTg năm 1996. Nhà, đất thuộc phạm vi lộ giới đường L (V) theo Quyết định số 6982/QĐ-UB ngày 30/9/1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nay là đường L theo Quyết định số 14/2000-UB-VX ngày 07/4/2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố về đổi tên đường mới...

Tại Mục 1, Phần III Chính sách số 40/CS-HĐBT ngày 29/5/2020 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án

nâng cấp đường L (V), được Ủy ban nhân dân quận Th phê duyệt tại Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 *(viết tắt là chính sách số 40/CS-HĐBT)* quy định:

"1. Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất:

1.1. Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013 thì được bồi thường.

1.2. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định tại thời điểm có quyết định thu hồi đất...".

Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 quy định điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: *"1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này;...".*

Khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 quy định bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân: *"2. Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật này".*

Tại khoản 8.2, Mục 8, Phần III Chính sách số 40/CS-HĐBT ngày 29/5/2020 quy định hỗ trợ đối với trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất: Thực hiện theo Điều 11 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND: Đối với những trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì căn cứ vào nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, lý do không đủ điều kiện bồi thường, thời điểm đất đó được đưa vào sử dụng để xem xét hỗ trợ theo quy định như sau:

"8.2. Hỗ trợ về đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất lấn, chiếm:

c) Đối với đất nông nghiệp: Nếu sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993: Hỗ trợ bằng 100% giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định;...

d) Các trường hợp lấn, chiếm đất từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 trở về sau: Không tính bồi thường, hỗ trợ về đất".

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 3 Quy định về giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định đối với nông nghiệp: *"Bảng giá đất trồng cây lâu năm: Vị trí 1, khu vực 1, đơn giá 190.000 đồng/m^2"*.

Căn cứ các quy định trên, Ủy ban nhân dân quận Th (nay là thành phố Th) áp giá hỗ trợ phần đất diện tích 51,2m^2 do của ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D sử dụng theo đơn giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm (không phải là đất ở), vị trí mặt tiền đường, với đơn giá 190.000 đồng/m^2 là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung buộc Ủy ban nhân dân thành phố Th thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả theo quy định pháp luật:

Tại Điểm a Khoản 3 Điều 40 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quy định:

"3. Việc quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi đất ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày.

Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng hộ gia đình, cá nhân, tổ chức bị ảnh hưởng trong dự án, Ủy ban nhân dân quận - huyện phải thực hiện xong công tác chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi hoặc bị ảnh hưởng, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả".

Ủy ban nhân dân quận Th ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp của ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D trong cùng một ngày (ngày 29 tháng 5 năm 2020). Đến ngày 02/7/2020, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng mời ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D công bố các quyết định và kế hoạch chi trả tiền vào ngày 07/7/2020, việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ được thực hiện trong khoảng thời gian quy định nêu trên (không quá 30 ngày). Do đó, không làm phát sinh chính sách phải thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên

số tiền chậm trả và thời gian chậm trả đối với trường hợp của ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D.

Chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại Luật Đất đai năm 2013, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013 và Quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không quy định tính hỗ trợ lãi suất đối với các trường hợp hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất có khiếu nại hoặc khởi kiện và được tính bồi thường, hỗ trợ bổ sung (tăng số tiền bồi thường). Việc ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D buộc Ủy ban nhân dân thành phố Th thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả là không có cơ sở.

Từ những cơ sở nêu trên, Ủy ban nhân dân quận Th (nay là thành phố Th) ban hành Quyết định số 3241/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất là đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2013. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố Th giữ nguyên quyết định nêu trên, đề nghị Tòa án xem xét bác yêu cầu khiếu kiện của ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D.

Tại Văn bản số 2593/UBND-BBT ngày 05/5/2022 của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Th trình bày như sau:

Không đồng ý với Quyết định 3241/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của Ủy ban nhân dân quận Th (nay là thành phố Th). Ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Th (nay là thành phố Th). Ngày 11/9/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Th (nay là thành phố Th) ban hành Quyết định số 5499/QĐ-UBND, theo đó *"Không công nhận khiếu nại của ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D đề nghị UBND quận Th áp giá bồi thường, hỗ trợ phần đất diện tích 51,2m^2 theo đơn giá 50.000.000 đồng/m^2, vì khiếu nại không có cơ sở"*.

Ủy ban nhân dân quận Th ban hành quyết định về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất là đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2013. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Th (nay là thành phố Th) ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền của Luật khiếu nại năm 2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành của Luật khiếu nại. Từ thực tế nêu trên và căn cứ vào những tài liệu hiện có trong hồ sơ, quan điểm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Th là giữ nguyên Quyết định số 5499/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D. Đề nghị Tòa án xem xét bác đơn khiếu kiện của ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 2090/2022/HC-ST ngày 06 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu T và bà Bá Thị Kim D về việc hủy bỏ các Quyết định số 3241/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân quận Th về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định

cư trong dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp đường L (V) tại phường L1, quận Th, và Quyết định số 5499/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Th về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Hữu T và bà Bá Thị Kim D.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Th thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2/. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu T và bà Bá Thị Kim D về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố Th bồi thường, hỗ trợ phần diện tích 51,2m^2 theo loại đất ở và thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 15/12/2022, UBND thành phố Th, Chủ tịch UBND thành phố Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 19/12/2022, người khởi kiện ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D khởi kiện yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc Ủy ban nhân dân thành phố Th bồi thường, hỗ trợ phần diện tích 51,2m^2 theo loại đất ở và thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người khởi kiện, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, người bị kiên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D, UBND thành phố Th, Chủ tịch UBND thành phố Th làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, UBND thành phố Th, Chủ tịch UBND thành phố Th vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và cử người bảo vệ quyền và lợi ích tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt đối với UBND thành phố Th, Chủ tịch UBND thành phố Th.

[2]. Về nội dung:

Thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp đường L (V) tại phường L1 theo Quyết định số 5812/QĐ-SGTVT ngày 29/10/2016 của Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07/12/2017, UBND quận Th (nay là thành phố Th) ban hành Thông báoso 1117/TB-UBND về thu hồi đất để thực hiện dự án đối với ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D. Diện tích đất thu hồi 51,2m^2, thuộc một phần các thửa số 16, 17, 18, 69, tờ bản đồ số 13, 14, phường L1, quận Th.

Phần diện tích đất 51,2m^2 bị thu hồi nằm trong quy hoạch lộ giới tuyến đường L (20m) theo Quyết định số 6982/QĐ/UB-QLĐT ngày 30/9/1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông T, bà D cho rằng phần diện tích đất 51,2m^2 bị thu hồi được ông bà sử dụng ổn định theo loại đất ở từ tháng 01/2003 cho đến khi Nhà nước thu hồi đất làm dự án nâng cấp đường L, không vi phạm pháp luật về đất đai, không có tranh chấp, tại thời điểm sử dụng làm đất ở không thuộc trường hợp lấn, chiếm đất theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 43/2014, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên UBND thành phố Th phải bồi thường về đất theo đơn giá đất ở.

Xét thấy, theo giấy chuyển nhượng viết tay ngày 15/3/1997 thể hiện bà Dương Thị B và con trai là ông Nguyễn Văn M chuyển nhượng cho bà D một miếng đất ngang 16m, dài 17m diện tích 272m^2, để trồng rau màu, nhưng không thể hiện vị trí thửa đất. Ngày 19/5/1997, ông M chuyển nhượng tiếp cho bà D 1m đất ngang mặt tiền đường, nâng tổng diện tích đất sang nhượng lên 18 x 16 = 288m^2. Từ sau khi nhận chuyển nhượng, bà D không tiến hành đăng ký kê khai theo Quyết định 3376/QĐ-UB-QLĐT ngày 11/6/1999 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh; đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong khi đó, từ năm 1995 phần đất 51,2m^2 đã nằm trong quy hoạch lộ giới tuyến đường L (20m) theo Quyết định số 6982/QĐ/UB-QLĐT ngày 30 tháng 9 năm 1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T, bà D cho rằng khi quy hoạch lộ giới theo Quyết định số 6982/QĐ/UB-QLĐT, UBND thành phố không tiến hành đặt biển báo lộ giới đường L (V) cho nhân dân biết để thực hiện, nên việc sử dụng 51,2 m^2 của ông T, bà D không thuộc trường hợp lấn, chiếm lộ giới của đường L (V) là không có cơ sở chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần nhà, đất do ông T, bà D sử dụng bị thu hồi không đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất dẫn đến không đủ điều kiện bồi thường về đất; từ đó không chấp nhận yêu cầu của ông T, bà D về việc bồi thường theo đơn giá đất ở là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ủy ban nhân dân quận Th căn cứ mục 1 Phần III, Điểm c Khoản 8.2 Mục 8 Phần III của Chính sách số 40/CS-HĐBT ngày 29/5/2020 được Ủy ban nhân dân quận Th phê duyệt tại Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 29/5/2020, xác định hộ ông T, bà D không đủ điều kiện bồi thường nhưng được hỗ trợ bằng 100% giá đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân thành phố quy định là có căn cứ, đã đảm bảo quyền lợi chính đáng cho ông T, bà D.

Tuy nhiên, UBND quận Th thu hồi đất và quyết định chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông T và bà D cùng vào ngày 29/5/2020 song lại áp dụng đơn giá 190.000 đồng/m^2 theo Quyết định số 51 ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để bồi thường cho ông T, bà D là không phù hợp với quy định tại Điều 74 Luật đất đai 2013. Bởi lẽ, bảng giá đất theo Quyết định số 51 ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019 đã hết hiệu lực và đã được thay thế bởi Quyết định số 02 ngày 16/01/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2024, có hiệu lực từ ngày 26/01/2020, theo đó đơn giá đất trồng cây lâu năm theo Quyết định số 02 là 300.000 đồng/m^2, cao hơn đơn giá đất trồng cây lâu năm theo Quyết định số 51.

Đối với phần nhà bị thu hồi ông T, bà D khai xây trước năm 2004; phía UBND quận Th xác định xây sau 01/7/2006 nhưng tài liệu, chứng cứ của cả hai bên đều không có cơ sở. UBND quận Th áp dụng điểm 5.2.d Phần IV của Chính sách số 40 về bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không có giấy tờ hợp pháp, hợp lệ trong trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2006 trở về sau thì không được bồi thường, không được hỗ trợ; từ đó không bồi thường cho ông T, bà D phần giá trị nhà là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật của ông T, bà D nhận thấy UBND quận Th đã ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp của ông T, bà D trong cùng ngày 29/5/2020. Ngày 02/7/2020, Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng mời ông T, bà D công bố các quyết định và kế hoạch chi trả tiền ngày 07/7/2020 là đảm bảo theo quy định nên yêu cầu của ông T, bà D về việc buộc UBND quận Th thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D, UBND thành phố Th, Chủ tịch UBND thành phố Th không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D, UBND thành phố Th, Chủ tịch UBND thành phố Th phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông T, bà D là người cao tuổi nên được miễn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Hữu T, bà Bá Thị Kim D, UBND thành phố Th, Chủ tịch UBND thành phố Th.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 2090/2022/HC-ST ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu T và bà Bá Thị Kim D về việc hủy bỏ các Quyết định số 3241/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân quận Th về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp đường L (V) tại phường L1, quận Th, và Quyết định số 5499/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Th về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Hữu T và bà Bá Thị Kim D.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Th thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2/. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu T và bà Bá Thị Kim D về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố Th bồi thường, hỗ trợ phần diện tích 51,2m^2 theo loại đất ở và thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định pháp luật.

3/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố Th, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Th, mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí mỗi đương sự đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003890, AA/2021/0003891 cùng ngày 11/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh vào phần án phí phải chịu.

Ông Lê Hữu T và bà Bá Thị Kim D được miễn.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- ĐS (3);
- Lưu VP (3), HS (2).13b.TTPT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng